

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự toán kế hoạch đặt hàng trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi năm 2022 của Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Quảng Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

CÔNG VĂN BẢN

Số: 664
Ngày: 04 / 5 / 2022

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi,

bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ, Thông tư số 59/2018/TT-BTC ngày 16/7/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Sao gửi:
- L.Đ.Đ. (K.Đ.Đ.)
- Lưu file Cty;
04/5



Căn cứ Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15/8/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sử dụng nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 05/2019/TT-BNNPTNT ngày 02/5/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chế độ, quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06/11/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công ích sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước do doanh nghiệp thực hiện;

Căn cứ Quyết định số 648/QĐ-BCT ngày 20/3/2019 của Bộ Công thương về điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân và quy định giá bán điện;

Căn cứ Quyết định số 2514/QĐ-UBND ngày 11/9/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam áp dụng hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương của các loại lao động trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công ích sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện;

Căn cứ Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 28/01/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt Chiến lược phát triển; Kế hoạch sản xuất kinh doanh và ĐTPT 05 năm (2021-2025) của Công ty;

Căn cứ Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định Định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi của Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Quảng Nam quản lý;

Căn cứ Quyết định số 2608/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh ban hành quy định thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 2867/QĐ-UBND ngày 12/10/2021 của UBND tỉnh quy định giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 3626/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 3796/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch diện tích đất nông nghiệp được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022 trên tỉnh Quảng Nam;

Theo Thông báo số 464/TB-UBND ngày 14/10/2021 của UBND tỉnh và đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 74/TTr-SNN&PTNT ngày 26/4/2022 kèm theo Báo cáo số 103/BC-SNN&PTNT ngày 26/4/2022 (Kèm theo ý kiến của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Công



văn số 171/LĐTBXH-LĐVL ngày 26/1/2021, Sở Tài chính tại Công văn số 583/STC-DN ngày 17/3/2022, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ngày 22/4/2022).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán kế hoạch đặt hàng trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi năm 2022 của Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Quảng Nam, với một số nội dung chính như sau:

1. Kế hoạch khối lượng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi

- a) Sản lượng hoạt động dịch vụ công ích thủy lợi: 50.044,65 ha, trong đó:
- Sản lượng hoạt động dịch vụ công ích thủy lợi được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh: 49.626,73 ha;
 - Sản lượng hoạt động dịch vụ công ích thủy lợi được hỗ trợ từ ngân sách thành phố Đà Nẵng: 416,42 ha;
 - Sản lượng hoạt động dịch vụ công ích (NTTS) phải thu trên địa bàn tỉnh: 1,5 ha

b) Sản lượng hoạt động dịch vụ thủy lợi khác gồm:

- Cấp nước thô: 18,754 triệu m³;
- Cấp nước phát điện: 3,2 triệu kwh;
- Cho thuê mặt nước các hồ chứa để nuôi trồng thủy sản: 76 triệu đồng;
- Thoát nước thải đã qua xử lý vào công trình thủy lợi: 0,022 triệu m³;
- Thu lệ phí thông thuyền qua công trình thủy lợi: 5,5 triệu đồng.

2. Kế hoạch giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi

2.1 Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi

Thực hiện theo Quyết định số 2867/QĐ-UBND ngày 12/10/2021 của UBND tỉnh quy định giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 trên địa bàn tỉnh thống nhất cho tiếp tục áp dụng trong năm 2022 theo Thông báo số 464/TB-UBND ngày 14/10/2021 của UBND tỉnh.

2.2 Giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác

Thực hiện theo các Công văn của UBND tỉnh Quảng Nam: số 526/UBND-KTTH ngày 27/01/2021 về việc áp dụng giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác (giá nước) tại Công ty; Công văn số 2647/UBND-KTTH ngày 07/5/2021 về giá nước thô của Nhà máy Number One Chu Lai; Công văn số 3197/UBND-KTTH ngày 28/5/2021 về giá nước thô của Công ty CP BOO Nhà máy nước Phú Ninh

3. Kế hoạch tài chính

a) Doanh thu: 64.855.664.000 đồng, trong đó:

- Hoạt động dịch vụ công ích thủy lợi: 47.320.669.000 đồng.

Trong đó:

+ Doanh thu hoạt động dịch vụ công ích thủy lợi được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh: 46.736.530.000 đồng;

+ Doanh thu hoạt động dịch vụ công ích thủy lợi được hỗ trợ từ ngân sách thành phố Đà Nẵng: 580.388.000 đồng;

+ Doanh thu hoạt động dịch vụ công ích (NTTS) phải thu trên địa bàn tỉnh: 3.750.000 đồng.

- Hoạt động dịch vụ thủy lợi khác: 17.484.995.000 đồng.

- Hoạt động tài chính: 50.000.000 đồng.

b) Chi phí: 81.395.930.000 đồng.

Trong đó:

+ Chi phí sản xuất hoạt động dịch vụ công ích thủy lợi: 81.209.178.000 đồng;

+ Chi phí sản xuất hoạt động dịch vụ thủy lợi khác và hoạt động tài chính: 186.752.000 đồng.

c) Cân đối thu chi:

- Doanh thu (1) 64.855.664.000 đồng.

- Chi phí (2) 81.395.930.000 đồng.

* Thiếu (1)-(2) (-)16.540.266.000 đồng,

Trong đó:

+ Hoạt động dịch vụ công ích thủy lợi: (-)33.888.509.000 đồng;

+ Hoạt động dịch vụ thủy lợi khác và hoạt động tài chính: 17.348.243.000 đồng.

d) Ngân sách hỗ trợ để trích lập 02 quỹ khen thưởng, phúc lợi: 6.752.683.000 đồng:

- Hỗ trợ 02 tháng lương đối với người lao động: 6.607.694.000 đồng.

- Hỗ trợ 01 tháng lương đối với người quản lý: 144.989.000 đồng.

4. Kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ, thường xuyên tài sản

- Bảo dưỡng định kỳ và sửa chữa định kỳ tài sản: 5.490.000.000 đồng.

- Bảo dưỡng thường xuyên và sửa chữa thường xuyên tài sản: 6.000.000.000 đồng.

5. Kế hoạch ngân sách trợ giá để cân đối thu chi: 16.540.266.000 đồng.

6. Kế hoạch lao động - tiền lương

a) Người quản lý doanh nghiệp

- Lao động bình quân (chuyên trách): 06 người.

- Tổng quỹ tiền lương: 1.739.868.000 đồng.

- Mức lương bình quân (chuyên trách): 24.164.800 đồng/tháng.

b) Người lao động

- Lao động bình quân: 400 người.

- Tổng quỹ tiền lương: 39.646.162.000 đồng.

- Mức lương bình quân: 8.260.000 đồng/người/tháng.

7. Kế hoạch nộp ngân sách: 1.106.239.000 đồng.

8. Chất lượng dịch vụ

Điều hòa, phân phối nước đảm bảo số lượng, chất lượng, kịp thời phục vụ sản xuất nông nghiệp và theo yêu cầu của các ngành kinh tế khác.

9. Thời gian hoàn thành: 31/12/2022.



Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm thương thảo, ký hợp đồng đặt hàng với Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Quảng Nam theo đúng quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ về quy định giao nhiệm vụ đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và các quy định hiện hành của Nhà nước; đồng thời, chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện nghiệm thu khối lượng và thanh quyết toán theo đúng quy định.

2. Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Quảng Nam chịu trách nhiệm triển khai kế hoạch đặt hàng đảm bảo hiệu quả; đồng thời, phối hợp với các Sở, ngành để triển khai các nội dung liên quan theo quy định.

3. Sở Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn các thủ tục, giám sát, kiểm tra việc thực hiện đặt hàng trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi năm 2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Quảng Nam đảm bảo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động – Thương binh và Xã hội, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Quảng Nam và thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /14

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- Các PCVP và phòng chuyên viên;
- Lưu: VT, TH, KTN, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Quang